TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 61/2021/HS-ST
Ngày: 16 - 11 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Kim Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Hiền.

2/ Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm T2 Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/ QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa hình sự sơ thẩm số 22a/2021/HSST-QĐ ngày 16 tháng 8 năm 2021, số 32/2021/ HSST-QĐ ngày 14 tháng 9 năm 2021, số 46/2021/HSST-QĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021 và Thông báo v/v mở lại phiên tòa số 13/2021/TB-TA ngày 28 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ Lê Trần Anh T (B), sinh năm 1994. Nơi sinh: Tỉnh M; Nơi cư trú: Ấp A, xã Long T2, huyện C, tỉnh M; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Con ông Lê Ngọc TH và bà Trần Thị Bảo T3; Anh, chị, em ruột có 02 người, bị cáo là con lớn trong gia đình; Bị cáo có vợ là Phạm Thanh T4; Bị cáo có 01 con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơ cư trú từ ngày 06/2/2021 cho đến nay.

2/ Nguyễn Quang T1 (Th), sinh năm 1984. Nơi sinh: Tỉnh M; Nơi cư trú: Ấp A, xã Long T2, huyện C, tỉnh M; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 11/12; Con ông Nguyễn Quang T5 (đã chết) và bà Trần Thị Kiều H1; Anh, chị, em ruột có 02 người, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Bị cáo sống chung như vợ chồng với chị Trần Thị Ngọc T6; Bị cáo có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Ngày 30/3/2012 Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành

phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù giam về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo chấp hành xong ngày 03/02/2016; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/2/2021 cho đến nay.

3/ Nguyễn Văn T2, sinh năm 1993. Nơi sinh: Tỉnh M; Nơi cư trú: Ấp L, xã E, huyện C, tỉnh M; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Con ông Nguyễn Văn T7 và bà Nguyễn Thanh N1; Anh, chị, em ruột có 02 người, bị cáo là con lớn trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/2/2021 cho đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Chị Trần Thanh T8, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã Long T2, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Ông Nguyễn Thanh T9, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã Đông O, huyện B, tỉnh Tiền Giang

2/ Ông Nguyễn Ngọc O1, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H3, xã G, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

3/ Ông Đoàn Phong P, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã Long T2, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 18/11/2020, tại nhà của bị cáo Nguyễn Quang T1, bị cáo Lê Trần Anh T rủ bị cáo Nguyễn Văn T2, Nguyễn Quang T1 vào nhà chị Trần Thanh T8 để trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài và được cả ba đồng ý. Bị cáo T điều khiển xe mô tô loại Wave màu xanh biển số 63F7 - 8705 về nhà của mình để cất giấu, bị cáo đi bộ qua nhà chị T8, do quen biết và thường xuyên đến nhà chị T8 nên bị cáo biết vị trí chìa khóa để trên thanh sắt của mái che, bị cáo mở khóa vào nhà trộm 01 cái lư bằng đồng chiều cao 58cm, hai chân đèn bằng đồng chiều cao 45cm được để trên bàn thờ bỏ vào tụng màu vàng có trong nhà đem ra để trước sân rồi quay lại nhà bị cáo T1. Sau đó, bị cáo T1 điều khiển xe mô tô loại xe Dream màu nâu biển số 63P1 - 218.17 chở bị cáo T quay lại nhà của chị T8 để chở bộ lư đồng và hai chân đèn bằng đồng vừa trộm được.

Tại nhà của bị cáo T1, cả ba bị cáo cùng tháo lư đồng và hai chân đèn bằng đồng ra để vào balo màu đen. Bị cáo T1 điều khiển xe mô tô 63P1 - 218.17 chở bị cáo T2 đến chùa Chánh Giác tại huyện B gặp ông Nguyễn Thanh T9 nhờ ông T9 cầm cố hoặc bán dùm tài sản đã trộm. Ông T9 đem bộ lư đồng và hai chân đèn bằng đồng bán cho ông Nguyễn Ngọc O1 với giá 4.000.000 đồng. Đến 17 giờ ngày 19/11/2020, bị cáo T1 và T2 quay lại thì ông T9 nói bán được 3.000.000

đồng. Các bị cáo T1, T2, T chia nhau tiêu xài hết số tiền trên. Đến ngày 07/12/2020 các bị cáo bị công an phát hiện.

Kết luận định giá tài sản số 149/KL-HĐĐGTS ngày 29/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cai Lậy xác định: 01 cái lư bằng kim loại đồng, chiều cao 58 cm giá 4.000.000 đồng; 02 chân đèn bằng kim loại đồng, chiều cao 45 cm giá 1.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 5.000.0000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 45/CT-VKSHCL ngày 08 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã truy tố các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi phạm tội của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản".

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Lê Trần Anh T từ 12 tháng đến 15 tháng tù, bị cáo Nguyễn Văn T2 từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T1 từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Trong phần tranh luận, các bị cáo thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và áp dụng điều luật.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng:

Bị cáo T: Bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo có con nhỏ, không có việc làm nên mới trộm cắp tài sản, bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo T1: Hành vi phạm tội của bị cáo là vi phạm pháp luật, do con nhỏ, không có tiền tiêu xài nên mới phạm tội. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo T2: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, lời khai của các bị cáo là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, thể hiện bị cáo Nguyễn Quang T1 chở bị cáo Lê Trần Anh T đến nhà chị Trần Thanh T8, bị cáo T là người trực tiếp thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản, bị cáo NguyễnQuangT1 và bị cáo Nguyễn Văn T2 đem bán tài sản trộm được để lấy tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Lê Trần Anh T, Nguyễn Quang T1, Nguyễn Văn T2 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tài sản hợp pháp của mọi công dân đều được pháp luật bảo vệ, không ai có quyền xâm phạm. Các bị cáo có thể tự kiếm tiền bằng chính sức lao động của mình nhưng lại tham lam, lười lao động, tìm cách chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác mà còn gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy truy tố hành vi phạm tội của các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật, cần xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Sau khi xảy ra vụ án, các bị cáo đã thành khẩn khai báo; có thái độ ăn năn hối cải và tại phiên tòa bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, đối với bị cáo T2 và bị cáo T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng thêm điểm i, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T2 và bị cáo T.

[5] Đối với tang vật vụ án là 01 cái lư bằng kim loại màu vàng đồng cao 58cm, 02 chân đèn bằng kim loại màu vàng đồng cao 45 cm Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy đã trao trả lại cho chị Trần Thanh T8, chị T8 đã nhận đủ tài sản và không yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] 01 xe mô tô loại Wave màu xanh biển số 63F7- 8705, qua xác minh là của ông Đoàn Phong P, ông P không biết bị cáo T sử dụng xe trên để đi trộm tài sản nên trả lại cho ông P là phù hợp quy định pháp luật.

[7] 01 xe mô tô loại xe Dream màu nâu biển số 63P1 - 218.17 bị cáo T2 mua của một người không rõ họ tên, địa chỉ và không làm giấy tờ sang tên, sau khi trộm bị cáo đã bán lại cho một người không rõ họ tên.

01 cái tụng màu vàng ở nhà của chị T8, bị cáo T dùng để đựng 01 lư đồng và 02 chân đèn bằng đồng bị cáo khai đã ném vào thùng rác; 01 cái balo màu đen ông Nguyễn Thanh T9 khai đã đem đốt.

Cơ quan điều tra không thu giữ được xe Dream màu nâu biển số 63P1 - 218.17, 01 cái tụng màu vàng và 01 cái balo màu đen nên Hội đồng xét xử không thể xử lý được.

[8] Đối với ông Nguyễn Thanh T9 là người trung gian, ông Nguyễn Ngọc O1 là người mua 01 lư đồng và hai chân đèn bằng đồng không biết đây là tài sản trộm cắp mà có nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự.

Về trách nhiệm dân sự, ông O1 không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền đã mua bộ lư đồng 3.000.000 đồng và cũng không yêu cầu ông T9 hoàn trả số tiền 1.000.000 đồng do ông T9 bán dùm tài sản cho các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo với mức án tương xứng hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Xét đề nghị Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa là phù hợp nhận định Hội đồng xét xử nhưng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Trần Anh T, Nguyễn Quang T1, Nguyễn Văn T2 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Trần Anh T 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T1 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các bị cáo Lê Trần Anh T, Nguyễn Quang T1, Nguyễn Văn T2 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H.Cai Lậy;
- Công an H.Cai Lậy;
- THADS H.Cai Lậy;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu.

Trần Kim Loan